

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 9 năm 2019

ĐIỂM THI

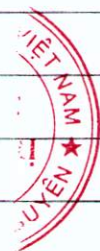
PHẦN VI: TÌNH HÌNH NHIỆM VỤ ĐỊA PHƯƠNG
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 45, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lan Anh	1	33	7.0	Bảy	
2	Nguyễn Thị Vân Anh	2	09	7.5	Bảy rưỡi	
3	Long Thị Mai Anh	3	13	7.5	Bảy rưỡi	
4	Hồ Sĩ Bách	4	18	8.0	Tám	
5	Nguyễn Việt Bắc	5	47	7.5	Bảy rưỡi	
6	Dương Thành Bầm	6	54	7.0	Bảy	
7	Nguyễn Phú Chí	7	64	7.5	Bảy rưỡi	
8	Vũ Thành Công	8	55	7.5	Bảy rưỡi	
9	Nguyễn Việt Cường	9	37	7.0	Bảy	
10	Nguyễn Thị Hoàng Diệp	10	21	7.5	Bảy rưỡi	
11	Nguyễn Ngọc Doãn	11	01	7.5	Bảy rưỡi	
12	Lã Thị Thúy Dung	12	51	8.0	Tám	
13	Nguyễn Bá Dũng	13	16	7.0	Bảy	
14	Nguyễn Thị Thùy Dương	14	53	7.5	Bảy rưỡi	
15	Đặng Văn Đa	15	65	7.5	Bảy rưỡi	
16	Bùi Tiến Đạt	16	56	7.5	Bảy rưỡi	
17	Trần Thế Đạt	17	31	8.0	Tám	
18	Nguyễn Văn Độ	18	46	7.0	Bảy	
19	Cao Thị Hương Giang	19	49	7.5	Bảy rưỡi	
20	Hoàng Thị Thu Hà	20	43	7.0	Bảy	
21	Nguyễn Thị Thu Hiền (A-1985)	21	58	7.5	Bảy rưỡi	
22	Dương Hoa Hiền	22	57	8.0	Tám	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Phạm Chí Hiếu	23	25	7.5	Bảy rưỡi	
24	Nguyễn Thê Hoàng	24	27	7.5	Bảy rưỡi	
25	Dương Thị Bích Hồng	25	28	8.0	Tám	
26	Đoàn Thị Thanh Huế	26	24	8.0	Tám	
27	Mã Đình Huy	27	38	7.0	Bảy	
28	Dương Khánh Huyền	28	22	7.5	Bảy rưỡi	
29	Nguyễn Thị Thu Huyền (A-1981)	29	30	8.0	Tám	
30	Nguyễn Thị Thu Huyền (B-1983)	30	12	7.0	Bảy	
31	Nguyễn Quang Khải	31	41	7.0	Bảy	
32	Nguyễn Bạch Hương Lan	-	-	-	-	Thi ghép K44
33	Nguyễn Thị Lê	33	03	7.0	Bảy	
34	Nguyễn Thùy Linh	34	61	7.0	Bảy	
35	Vũ Thị Diệu Linh	35	02	8.0	Tám	
36	Hà Văn Long	36	36	7.5	Bảy rưỡi	
37	Lê Thị Khánh Ly	37	20	8.0	Tám	
38	Phạm Thị Nga	38	50	7.5	Bảy rưỡi	
39	Hoàng Thị Diệu Ngọc	39	07	7.0	Bảy	
40	Nguyễn Thị Thanh Nhân	-	-	-	-	Bảo lưu
41	Nguyễn Thị Thu Nhung	40	-	-	-	Vắng thi
42	Nguyễn Đức Ninh	41	48	8.0	Tám	
43	Phạm Văn Nối	42	60	7.0	Bảy	
44	Phùng Thị Kim Oanh	43	39	7.5	Bảy rưỡi	
45	Ngô Thương Phương	44	63	8.0	Tám	
46	Đặng Thành Quang	45	66	8.0	Tám	
47	Dương Thu Quyên	46	52	8.0	Tám	
48	Hoàng Thị Tâm	47	29	7.0	Bảy	
49	Nguyễn Phúc Tân	48	35	7.0	Bảy	
50	Đào Thị Phương Thảo	49	15	8.0	Tám	
51	Nguyễn Thị Phương Thảo	50	19	8.0	Tám	
52	Nguyễn Sinh Thiện	51	42	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Hoàng Thị Thơm	52	05	7.0	Bảy	
54	Trần Thu Trang	53	23	8.0	Tám	
55	Nguyễn Hữu Trong	54	08	7.0	Bảy	
56	Trần Đăng Tú	55	11	7.0	Bảy	
57	Đinh Quốc Tuấn	56	26	7.0	Bảy	
58	Lại Anh Tuấn	57	62	7.5	Bảy rưỡi	
59	Lương Duy Tuyên	58	44	8.0	Tám	
60	Hà Thị Tuyết	59	45	8.0	Tám	
61	Lương Thị Thúy Vân	60	10	7.5	Bảy rưỡi	
62	Đặng Thị Hồng Vân	61	34	7.5	Bảy rưỡi	
63	Phạm Đức Việt	62	59	7.5	Bảy rưỡi	
64	Lê Đức Việt	63	14	7.0	Bảy	
65	Lưu Tuấn Việt	64	40	7.0	Bảy	
66	Nông Minh Xuân	65	32	7.0	Bảy	
67	Đỗ Thị Hải Yến	66	04	8.0	Tám	
68	Nguyễn Hoàng Yến	67	06	7.5	Bảy rưỡi	
69	Nguyễn Thái Sơn	68	17	7.0	Bảy	



**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XDĐ
TRƯỞNG KHOA**

Ngô Thị Hồng Nhung

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên